

## Thông tin công ty

TÊN CÔNG TY

ID DOANH NGHIỆP

QUỐC GIA  
Việt Nam

NGÀNH VĨ MÔ

Dệt may

QUY MÔ CÔNG TY

Lớn

LOẠI CÔNG TY

Công ty

ĐỊA CHỈ EMAIL

TÊN

Linh

HỌ

Le

ĐIỆN THOẠI CÔNG  
TY

VAI TRÒ CÔNG VIỆC

CEO

## Khảo sát ESG

### TUYÊN BỐ SỬ DỤNG

○ Công ty đã báo cáo thông tin được đề cập trong Bản phương án các tiêu chuẩn của GRI liên quan đến kỳ báo cáo sau đây. Vui lòng cho biết thời gian cung cấp dữ liệu và thông tin của bạn (ví dụ ngày 1 tháng 4 năm 2023 – 31 tháng 3 năm 2024).

| Ngày              | Giá trị (NGÀY/THÁNG/NĂM) |
|-------------------|--------------------------|
| Bắt đầu thời hạn  |                          |
| Kết thúc thời hạn |                          |

### KINH DOANH

1.1.1 Bạn có cân nhắc tác động xã hội và môi trường trong số các yếu tố rủi ro doanh nghiệp không? – GRI 1 / ERS2 SBM-3

- ☐ Có, chúng tôi có hệ thống Quản lý Rủi ro Doanh nghiệp, bao gồm các rủi ro về môi trường và xã hội
- ☐ Có, chúng tôi quản lý rủi ro theo các quy định hiện hành
- ☐ Không

1.1.2 Bạn có thực hiện các sáng kiến bền vững và / hoặc có sứ mệnh / chiến lược phát triển bền vững được chính thức hóa để quản lý tác động kinh tế, xã hội và môi trường từ các hoạt động của mình không? – GRI 1, 2-22 / ERS2 SBM-3, IRO-1

- ☐ Có, sứ mệnh của chúng tôi cân nhắc các yếu tố môi trường và xã hội và do đó có tính đến các yếu tố này trong chiến lược dài hạn
- ☐ Có, chúng tôi đã xác định một chiến lược bền vững lồng ghép trong chiến lược công ty
- ☐ Có, chúng tôi thực hiện các sáng kiến bền vững trong ngắn hạn dựa vào các chính sách khuyến khích công
- ☐ Không

1.1.3 Bạn có giám sát hiệu quả hoạt động bền vững của mình bằng các chỉ số định lượng cụ thể / thích hợp không? – GRI 1, 3-1 / ERS2 SBM-3, IRO-1

- ☐ Có, chúng tôi giám sát hiệu quả môi trường của mình
- ☐ Có, chúng tôi theo dõi hiệu quả quản lý nhân viên của mình
- ☐ Không

**1.1.4** Bạn có công bố kết quả bền vững về môi trường và xã hội của mình trong một báo cáo cụ thể không? – GRI 1, 2-3, 2-4, 2-22 / ESRS2 BP-1, BP-2, IRO-2

- ☐ Có
- ☐ Không

**1.1.5** Bạn có thực hiện các hoạt động của mình theo các hệ thống quản lý cụ thể không? – GRI 2-12, 2-29, 3-2, 3-3 / SDG 16 / ESRS2 SBM-3, IRO-1

- ☐ Có, chúng tôi áp dụng hệ thống quản lý môi trường
- ☐ Có, chúng tôi áp dụng hệ thống quản lý năng lượng
- ☐ Có, chúng tôi áp dụng một hệ thống quản lý sức khỏe và an toàn cho nhân viên của chúng tôi
- ☐ Có, chúng tôi áp dụng một hệ thống để quản lý và phòng ngừa tham nhũng
- ☐ Có, chúng tôi áp dụng một hệ thống để quản lý mối quan hệ với nhà cung cấp
- ☐ Không

**1.1.6** Công ty bạn có chứng nhận của bên thứ ba được quốc gia hoặc quốc tế công nhận về:

- ☐ Môi trường
- ☐ Năng lượng
- ☐ Sức khỏe và an toàn cho nhân viên
- ☐ Chất lượng sản phẩm / dịch vụ
- ☐ Không
- ☐ Khác, ghi rõ

## MÔI TRƯỜNG - NƯỚC, NĂNG LƯỢNG VÀ CHẤT THẢI

**2.1.1** Điện năng tiêu thụ tại mặt bằng sở hữu và đi thuê (từ ngày 01/01 đến ngày 31/12). – GRI 302-1 / SDGs 7, 8, 12, 13 / ESRS E1-5

**2.1.2** Bạn có hợp đồng cấp điện hoàn toàn bằng các nguồn tái tạo không: – SDGs 7, 8, 12, 13 / ESRS E1-5

- ☐ Có
- ☐ Không

**2.1.3** Bạn có cơ sở/nhà máy sản xuất năng lượng tái tạo không:

- ☐ Có

☐ Không

2.1.4 Bạn đã từng áp dụng bất kỳ biện pháp tiết kiệm năng lượng nào chưa? – GRI 302-4 / SDGs 7, 8, 12, 14 / ESRs E1-5

☐ Có  
☐ Không

2.1.6 Bạn có đo lường phát thải khí thải nhà kính không? – GRI 305-1, 305-2, 305-3 / SDGs 13, 14, 15 / ESRs E1-6 / VSME ED B3

☐ Có  
☐ Không

2.1.10 Tổ chức của bạn có giảm phát thải khí nhà kính so với năm trước không? Nếu có thì là bao nhiêu phần trăm? – GRI 305-5 / SDGs 13, 14, 15 / ESRs E1-7

2.1.11 Bạn có đo lường Dấu chân cacbon của một số hoặc tất cả các sản phẩm của mình không?

☐ Có  
☐ Không

2.1.12 Số xe thuộc sở hữu của công ty (số): – GRI 305-1 / SDGs 3, 12, 13, 14, 15 / ESRs E1-6

| Chạy bằng           | Số xe |
|---------------------|-------|
| Khí thiên nhiên     |       |
| Diesel              |       |
| Xăng                |       |
| Lai (Hybrids)       |       |
| Điện                |       |
| Các nguồn điện khác |       |

2.1.13 Tổng lượng chất thải được tạo ra (tấn): – GRI 306-2 / SDGs 3, 6, 12 / ESRs E5-5

2.1.14 Bạn có khuyến khích phân loại chất thải tại các cơ sở của mình không? – GRI 306-2 / SDGs 3, 6, 12 / ESRs E5-1

☐ Có

☐ Không

2.1.15 Lượng nước tiêu thụ (m<sup>3</sup>): – GRI 303-5 / SDG 6 / ESRS E3-4

2.1.16 Bạn có khuyến khích nhân viên sử dụng phương tiện giao thông công cộng hoặc phương tiện thân thiện với môi trường để đi làm việc không?

☐ Có  
☐ Không

## MÔI TRƯỜNG - CHỨNG NHẬN MÔI TRƯỜNG

2.2.1 Bạn có tuân thủ các tiêu chuẩn ISO 14001 về quản lý môi trường không? – GRI 307-1 / SDG 16

☐ Có  
☐ Không

2.2.2 Bạn có tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế khác về quản lý môi trường không? Nếu Có, vui lòng cung cấp thông tin này.

- ☐ Đánh giá vòng đời
- ☐ Dấu chân carbon
- ☐ Dấu chân nước
- ☐ Tuyên bố sản phẩm môi trường
- ☐ Đăng ký EMAS (dành cho các công ty hoạt động ở EU)
- ☐ Không có mục nào nêu trên
- ☐ Khác, ghi rõ

2.2.3 Bạn đã đạt được chứng nhận ISO 50001 về hệ thống quản lý năng lượng chưa? – GRI 302 / SDGs 7, 9, 11, 12, 13

☐ Có  
☐ Không

## XÃ HỘI - QUẢN LÝ NHÂN SỰ

3.1.1.1 Số lượng lao động (bao gồm cả người học nghề) theo giới tính và loại hình nghề nghiệp (NỮ): – GRI 2-7-a, 405-1 / SDGs 5, 8, 10 / ESRS S1-6, S1-9

| Nhân viên         | Số |
|-------------------|----|
| Số lượng Giám đốc |    |

|                              |  |
|------------------------------|--|
| Số lượng Quản lý             |  |
| Số lượng nhân viên văn phòng |  |
| Số lượng nhân viên           |  |
| Số lượng người học việc      |  |

**3.1.1.2** Số lượng lao động (bao gồm cả người học nghề) theo giới tính và loại hình nghề nghiệp (NAM): – GRI 2-7-a, 405-1 / SDGs 5, 8, 10 / ESRS S1-6, S1-9

| Nhân viên                    | Số |
|------------------------------|----|
| Số lượng Giám đốc            |    |
| Số lượng Quản lý             |    |
| Số lượng nhân viên văn phòng |    |
| Số lượng nhân viên           |    |
| Số lượng người học việc      |    |

**3.1.2.1** Chênh lệch tiền công/tiền lương trung bình giữa nam và nữ (%): – GRI 405-2 / SDGs 5, 8 / ESRS S1-16

**3.1.2.2** Mức tiền công/tiền lương trung bình theo giới tính được gọi là nhóm nghề nghiệp đại diện nhất: – GRI 405-2 / SDGs 5, 8 / ESRS S1-16

| Giới tính | Mức lương trung bình (tính theo EUR/USD/nội tệ) |
|-----------|-------------------------------------------------|
| Nữ        |                                                 |
| Nam       |                                                 |

**3.1.3** Tuổi trung bình của nhân viên: – GRI 405-1 / SDGs 5, 8 / ESRS S1-6, S1-9

- ☐ Dưới 30 tuổi
- ☐ Từ 30 đến 50 tuổi
- ☐ Trên 50 tuổi

3.1.4 Tỷ lệ (trên tổng số nhân viên) với hợp đồng có thời hạn: – GRI 2-7-b / SDGs 8, 10 / ESRS S1-6, S1-9

3.1.5 Tỷ lệ (trên tổng số nhân viên) với hợp đồng bán thời gian: – GRI 2-7-b / SDGs 8, 10 / ESRS S1-6, S1-9

3.1.6 Tỷ lệ (trên tổng số nhân viên) bắt đầu học việc vào năm ngoài: – GRI 2-7-b / SDGs 8, 10 / ESRS S1-6, S1-9

3.1.7 Tỷ lệ (trên tổng số nhân viên) bị khuyết tật: – GRI 405-1 / SDGs 8, 10 / ESRS S1-6, S1-9, S1-12

3.1.8.1 Số vụ tai nạn lao động trong 3 năm làm việc trước (năm hiện tại): – GRI 403-9 / SDGs 3, 8 / ESRS S1-14

- ☐ Dưới 3
- ☐ Từ 4 đến 9
- ☐ 10 trở lên

3.1.8.2 Số vụ tai nạn lao động trong 3 năm làm việc trước (năm hiện tại - 1): – GRI 403-9 / SDGs 3, 8 / ESRS S1-14

- ☐ Dưới 3
- ☐ Từ 4 đến 9
- ☐ 10 trở lên

3.1.8.3 Số vụ tai nạn lao động trong 3 năm làm việc trước (năm hiện tại - 2): – GRI 403-9 / SDGs 3, 8 / ESRS S1-14

- ☐ Dưới 3
- ☐ Từ 4 đến 9
- ☐ 10 trở lên

3.1.9.1 Số ngày làm việc bị mất do tai nạn lao động (gây mất khả năng lao động tạm thời) trong 3 năm làm việc trước (năm hiện tại): – ESRS S1-14

- ☐ Dưới 10
- ☐ Từ 11 đến 49
- ☐ 50 trở lên

3.1.9.2 Số ngày làm việc bị mất do tai nạn lao động (gây mất khả năng lao động tạm thời) trong 3 năm làm việc trước (năm hiện tại - 1): – ESRS S1-14

- ☐ Dưới 10

- ☐ Từ 11 đến 49
- ☐ 50 trở lên

**3.1.9.3** Số ngày làm việc bị mất do tai nạn lao động (gây mất khả năng lao động tạm thời) trong 3 năm làm việc trước (năm hiện tại - 2): – ESRS S1-14

- ☐ Dưới 10
- ☐ Từ 11 đến 49
- ☐ 50 trở lên

**3.1.10** Tổng số giờ làm việc trong năm qua của tất cả nhân viên.

**3.1.11** Có trường hợp tử vong nào tại công ty trong 3 năm qua không? – GRI 403-9 / SDGs 3, 8 / ESRS S1-14

- ☐ Có
- ☐ Không

**3.1.12** Thôi việc (số lượng nhân viên mới trừ đi số lượng nghỉ việc) trong năm qua: – GRI 401-1 / SDGs 8, 10

**3.1.13** Tỷ lệ tổng số người lao động tham gia thỏa ước lao động tập thể: – GRI 2-30-a / SDG 8 / ESRS S1-8

- ☐ Dưới 75%
- ☐ Từ 75% đến 95%
- ☐ Trên 95%

**3.1.14** Bạn có công bố trên trang web của mình chính sách Bình đẳng, Đa dạng và Hòa nhập (bao gồm phân biệt đối xử dựa trên giới tính, chủng tộc, tôn giáo, giới tính hoặc khuynh hướng tình dục) không? – SDGs 5, 10

- ☐ Có
- ☐ Không

**3.1.15** Số giờ đào tạo công ty cung cấp trong năm: – GRI 404-1 / SDGs 4, 5, 8, 10 / ESRS S1-13

**3.1.16** Vui lòng chọn các chủ đề chính của khóa đào tạo được cung cấp trong năm: – GRI 404-1 / SDGs 4, 5, 8, 10 / ESRS S1-13

- ☐ Chăm sóc sức khỏe và an toàn nơi làm việc – GRI 403-5
- ☐ Chống tham nhũng – GRI 205-2
- ☐ Quyền riêng tư (ví dụ: GDPR, Luật và Đạo luật về bảo vệ dữ liệu)
- ☐ Các vấn đề về môi trường (ví dụ như quản lý chất thải và nước, sử dụng năng lượng hiệu quả, v.v.)



- ☐ Không có mục nào nêu trên
- ☐ Khác, ghi rõ

### 3.1.17 Phúc lợi công ty: – GRI 401-2 / SDGs 3, 5, 8 / ESRS S1-11, S1-14, S1-15

- ☐ Tiền thưởng sản xuất
- ☐ Chính sách bảo hiểm nhân thọ/tai nạn
- ☐ Chính sách bảo hiểm trách nhiệm xe ô tô cho người lao động
- ☐ Số giờ làm việc linh hoạt/làm việc từ xa
- ☐ Thỏa thuận với các doanh nghiệp địa phương (phiếu mua nhiên liệu/phiếu mua hàng siêu thị/chiết khấu)
- ☐ Danh mục phúc lợi (chi phí giáo dục/hỗ trợ chăm sóc trẻ em/chăm sóc sức khỏe)
- ☐ Cơ sở gia đình (nhà trẻ/trại hè/học bổng)
- ☐ Cán bộ phúc lợi
- ☐ Không có mục nào nêu trên
- ☐ Khác, ghi rõ

### 3.1.18 Bạn có đo lường mức độ hài lòng của nhân viên bằng khảo sát định kỳ không?

- ☐ Có
- ☐ Không

## XÃ HỘI - CHỨNG NHẬN VÀ QUY ĐỊNH

### 3.2.1 Bạn có tuân thủ tiêu chuẩn UNI EN ISO 45001 về sức khỏe và an toàn nghề nghiệp của nhân viên không? – GRI 403-6 / SDG 3

- ☐ Có
- ☐ Không

### 3.2.2 Bạn có tuân thủ các hướng dẫn ISO 26000 về trách nhiệm xã hội không?

- ☐ Có
- ☐ Không

## XÃ HỘI - MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

### 3.3.1 Bạn có áp dụng hệ thống đánh giá nhà cung cấp không? – GRI 204-1, 414-1 / SDGs 5, 8, 16 / ESRS G1-2

- ☐ Có
- ☐ Không

3.3.2 Bạn có các chính sách về Nhân quyền và Lao động trẻ em (bắt buộc hoặc cưỡng bức) không? – SDG 8

- ☐ Có, chúng tôi công bố chính sách trên trang web của chúng tôi
- ☐ Có, chúng tôi có các chính sách nội bộ
- ☐ Không

## XÃ HỘI - GẮN KẾT CỘNG ĐỒNG

3.4.1 Có bất kỳ dự án từ thiện, trường học hoặc cộng đồng nào khác trong những năm qua không? – GRI 203-1 / SDGs 5, 9, 11 / ESRs S3-1, S3-2

- ☐ Có
- ☐ Không

3.4.2 Bạn có quyền góp tiền vì lợi ích cộng đồng trong khu vực mà bạn hoạt động không? – GRI 203-1 / SDGs 5, 9, 11

- ☐ Có
- ☐ Không

## QUẢN TRỊ - CƠ CẤU VÀ THÀNH PHẦN CỦA BỘ MÁY QUẢN TRỊ CÔNG TY

4.1.1 Bộ máy quản trị công ty: – GRI 2-9-a / SDGs 5, 16 / ESRs2 GOV-1

- ☐ Hội đồng quản trị
- ☐ Giám đốc duy nhất/Giám đốc điều hành
- ☐ Loại hình bộ máy quản trị công ty

4.1.4 Tỷ lệ phụ nữ trong Bộ máy quản trị Công ty: – GRI 2-9-c / SDGs 5, 16 / ESRs2 GOV-1

- ☐ Dưới 33%
- ☐ Từ 33% đến 50%
- ☐ Trên 50%
- ☐ Giám đốc nữ duy nhất

4.1.5 Tuổi trung bình của Bộ máy quản trị công ty: – GRI 405-1 / SDGs 5, 16 / ESRs2 GOV-1

- ☐ Dưới 30 tuổi
- ☐ Từ 30 đến 50 tuổi
- ☐ Trên 50 tuổi

4.1.6 Bạn có báo cáo tài chính đã được kiểm toán không?

- ☐ Có

☐ Không

4.1.7 Bạn có phải là thành viên của bất kỳ hiệp hội thương mại nào không?

☐ Có  
☐ Không

4.1.8 Bạn có kiểm soát nội bộ không?

- ☐ Có, chúng tôi có Bộ phận Kiểm toán Nội bộ
- ☐ Có, chúng tôi có Bộ phận Quản lý Rủi ro
- ☐ Có, chúng tôi có Bộ phận Quản lý Tuân thủ
- ☐ Không có mục nào nêu trên
- ☐ Khác, ghi rõ

## QUẢN TRỊ - CHỨNG NHẬN VÀ QUY ĐỊNH

4.2.1 Bạn có Quy tắc ứng xử hoặc quy tắc đạo đức khác về các vấn đề bền vững không? – GRI 2-23 / SDG 16 / ESR2 MDR-P

☐ Có  
☐ Không

4.2.2 Bạn có chuyên gia về bền vững tận tâm (tức là người thúc đẩy các chính sách và chiến lược bền vững) không?

☐ Có  
☐ Không

4.2.3 Bạn có tuân thủ ISO 9001 (Hệ thống quản lý chất lượng) không?

☐ Có  
☐ Không

4.2.4 Bạn đã đạt được chứng nhận ISO 37001 về hệ thống quản lý chống hối lộ chưa? – SDG 16

☐ Có  
☐ Không

4.2.5 Bạn có Chính sách Bảo mật và Quyền riêng tư Dữ liệu không? – GRI 418

☐ Có  
☐ Không

## Dệt may/Thời trang

### KINH DOANH

5.1 Bạn đã đạt được các chứng nhận quốc gia và/hoặc quốc tế cho các sản phẩm hoặc quy trình của mình chưa?

- ☐ Có  
☐ Không

5.2 Tỷ lệ các mặt hàng bền vững (được chứng nhận) trong bộ sưu tập mới nhất.

5.3 Bạn đã bao giờ bị vi phạm quyền riêng tư cá nhân và/hoặc mất dữ liệu nhạy cảm chưa?

- ☐ Có  
☐ Không

5.4 Bạn có xây dựng các chính sách hoặc biện pháp bảo mật dữ liệu không?

- ☐ Có  
☐ Không

### ĐỔI MỚI VÀ QUAN HỆ VỚI NHÂN VIÊN

6.1 Bạn có đầu tư vào Nghiên cứu và phát triển (R&D) bền vững không (ví dụ: để nhận biết và/hoặc triển khai các vật liệu mới và có tác động thấp)?

- ☐ Có  
☐ Không

6.2 Tỷ lệ doanh thu trên chi phí R&D.

6.3 Bạn có phát triển sáng chế độc quyền “xanh”/bền vững không?

- ☐ Có  
☐ Không

6.4 Bạn có sử dụng các ứng dụng và công nghệ hỗ trợ phân tích dữ liệu (ví dụ: phân tích dữ liệu tiêu thụ năng lượng và nguyên liệu) và chẩn đoán (ví dụ: giám sát các chức năng của máy móc) không?

- ☐ Có  
☐ Không

6.5 Bạn có thực hiện bất kỳ hành động nào để cải thiện hiệu quả hoạt động của nhà cung cấp liên quan đến quyền của các cá nhân không?

- ☐ Có  
☐ Không

6.6 Bạn có quy trình phản hồi chính thức từ phía nhân viên không?

- ☐ Có  
☐ Không

6.7 Tổng tỷ lệ nhân viên được đánh giá định kỳ về hiệu suất và phát triển chuyên môn.

## MỐI QUAN HỆ VỚI NHÀ CUNG CẤP

7.1 Liên quan đến việc cung cấp nguyên liệu thô, bạn đã thực hiện đánh giá tác động môi trường xã hội của chuỗi cung ứng chưa?

- ☐ Có  
☐ Không

7.2 Bạn có đóng góp bằng bất kỳ cách nào vào việc bảo vệ đa dạng sinh học tại những nơi sản xuất nguyên liệu thô (ví dụ: bông) không?

- ☐ Có  
☐ Không

7.3 Bạn có sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc động vật không?

- ☐ Có  
☐ Không

7.4 Số lượng nhà cung cấp nguyên liệu thô sơ cấp.

7.5 Địa điểm của nhà cung cấp nguyên liệu thô sơ cấp.

7.5.1 Số lượng nhà cung cấp sản xuất (mạng lưới nhà thầu phụ).

7.6 Địa điểm của nhà cung cấp sản xuất (mạng lưới nhà thầu phụ).

7.7 Bạn có kế hoạch kiểm tra nhà thầu phụ không?

- ☐ Có
- ☐ Không

7.8 Bạn đã bao giờ trải qua một cuộc đánh giá nhân quyền chưa?

- ☐ Có
- ☐ Không

7.9 Kết quả của cuộc đánh giá như thế nào?

7.10 Bạn có áp dụng các quy trình để lựa chọn nhà cung cấp dựa trên việc tuân thủ các quyền của cá nhân không?

- ☐ Có
- ☐ Không

7.11 Bạn đã bao giờ tiến hành đánh giá nhân quyền đối với các nhà cung cấp của mình chưa?

- ☐ Có
- ☐ Không

7.12 Bạn có bất kỳ chính sách và/hoặc quy định nào về quản lý nhân quyền và quản lý rủi ro liên quan đến lao động trẻ em cưỡng bức hoặc bắt buộc không?

- ☐ Có
- ☐ Không

## SỨC KHỎE VÀ SỰ AN TOÀN

8.1 Bạn có áp dụng các chính sách và/hoặc quy trình nội bộ khác ngoài các Quy trình tiêu chuẩn để đảm bảo an toàn và sức khỏe nghề nghiệp của bạn không?

- ☐ Có
- ☐ Không

8.2 Công ty có thực hiện phân tích định kỳ các quy trình sản xuất/kinh doanh nhằm xác định các khía cạnh cần cải thiện cho các mục tiêu Kinh tế Tuần hoàn không?

- ☐ Có
- ☐ Không

8.3 Bạn có Danh sách các chất bị hạn chế sử dụng (RSL) không?

- ☐ Có

☐ Không

## KINH TẾ TUẦN HOÀN

### 9.1 Vui lòng cho biết thiết kế sản phẩm có tính đến:

- ☐ Mục tiêu bền vững lâu dài của sản phẩm
- ☐ Thiết kế sản phẩm tạo điều kiện cho việc tái chế, sửa chữa và tái sử dụng (ví dụ: dễ tháo rời để sửa chữa các bộ phận bị hư hỏng và/hoặc tái chế)
- ☐ Các đặc tính công nghệ và/hoặc thiết kế nhằm giảm thiểu phát sinh chất thải sản xuất
- ☐ Các đặc tính công nghệ ngăn ngừa sự giải phóng vi nhựa vào môi trường trong quá trình rửa
- ☐ Khả năng thực hiện các thiết kế tái chế trong toàn chuỗi cung ứng sản phẩm
- ☐ Không có mục nào nêu trên
- ☐ Khác, vui lòng ghi rõ

### 9.2 Bạn có sử dụng nguyên liệu thô tái chế và/hoặc đã sử dụng (tái sử dụng) trước đó không?

- ☐ Có
- ☐ Không

### 9.3 Bạn có khôi phục bất kỳ tài nguyên nào sau đây trong quá trình sản xuất của mình không?

- ☐ Nguyên liệu thô chưa sử dụng
- ☐ Bán thành phẩm
- ☐ Chất thải xử lý
- ☐ Sản phẩm lỗi
- ☐ Không có mục nào nêu trên
- ☐ Khác, vui lòng ghi rõ

### 9.4 Về việc lựa chọn bao bì cho sản phẩm, vui lòng cho biết nếu bạn:

- ☐ Ưu tiên sử dụng các nguyên liệu thô tái chế để giảm việc mua nguyên liệu thô mới
- ☐ Tích cực tham gia vào việc giảm tiêu thụ nhựa
- ☐ Sử dụng giấy và bìa cứng sản xuất từ nguyên liệu lấy tại các khu rừng được quản lý theo tiêu chuẩn của Hội đồng Quản lý Rừng (FSC)
- ☐ Chọn các giải pháp có thể tái chế và/hoặc tái sử dụng
- ☐ Không có mục nào nêu trên
- ☐ Khác, vui lòng ghi rõ

### 9.5 Công ty có chỉ định một Quản lý năng lượng hoặc người chịu trách nhiệm về hiệu quả năng lượng của thiết bị và/hoặc mua bán năng lượng không?

- ☐ Có

☐ Không

## NƯỚC VÀ CHẤT THẢI

### 10.1 Ghi rõ các nguồn khai nước chính. – GRI 303-3 / SDG 6, mục tiêu 6.4

- ☐ Nước ngầm (ví dụ: tầng chứa nước)
- ☐ Nước mặt (ví dụ: sông, hồ, ao, v.v.)
- ☐ Nước do bên thứ ba cung cấp (ví dụ: Các nhà điều hành dịch vụ nước và các nhà máy xử lý nước thải, v.v.)
- ☐ Không có mục nào nêu trên
- ☐ Khác, vui lòng ghi rõ

### 10.2 Bạn có cam kết thúc đẩy các biện pháp tiết kiệm nước và/hoặc để bảo vệ nguồn nước ở các nước sản xuất bông và các loại sợi dệt khác không?

- ☐ Có
- ☐ Không
- ☐ Chúng tôi không sử dụng những vật liệu đó

### 10.3 Bạn có đo lường phát sinh chất thải ở mỗi giai đoạn của quá trình sản xuất không?

- ☐ Có
- ☐ Không

### 10.4 Tỷ lệ chất thải được gửi đi tái chế trong tổng số chất thải được tạo ra (% khối lượng chất thải tái chế trong giai đoạn tham chiếu/tổng lượng chất thải được tạo ra trong giai đoạn tham chiếu).

## Quan Trọng

CRIF sử dụng các tiêu chuẩn của GRI theo giấy phép được GRI cấp. Với tư cách là Bên cấp phép bản quyền trong Tiêu chuẩn GRI, GRI đã kiểm tra tính chính xác của Tiêu chuẩn GRI trong Synesgy. Việc xác minh này chỉ giới hạn ở việc đảm bảo sử dụng nội dung chính xác theo đúng Tiêu chuẩn GRI. Do đó, GRI không đưa ra bất kỳ tuyên bố hay bảo đảm ngụ ý hay thực tế nào về tính chính xác, toàn thủ, độ tin cậy, tính phù hợp với mục đích hoặc chất lượng của Synesgy hoặc bất kỳ sản phẩm nào phát sinh từ đó, hoặc về việc Người được cấp phép sử dụng Tiêu chuẩn của GRI, và từ chối rõ ràng bất kỳ tuyên bố ngụ ý hoặc cụ thể nào rằng GRI đã phê duyệt mọi báo cáo được tạo bằng cách sử dụng Synesgy.

Để biết phiên bản mới nhất của Tiêu chuẩn GRI, bao gồm Tiêu chuẩn dùng chung đã sửa đổi, Tiêu chuẩn theo chủ đề đã điều chỉnh, Tiêu chuẩn nhóm ngành, các đề xuất và phần hướng dẫn, cũng như Bảng thuật ngữ của Tiêu chuẩn GRI, vui lòng truy cập trung tâm Tài nguyên GRI: <https://www.globalreporting.org/how-to-use-the-gri-standards/resource-center>.